

QUYẾT ĐỊNH

CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Về việc ban hành

Quy chế mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước ngày 24/05/1990;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định 58/CP ngày 30/8/1993 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Ngoại hối Ngân hàng Nhà nước;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, thay thế các quy định liên quan đến việc mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm tại đốc Ngân hàng Nhà nước:

Quy chế bảo lãnh, tái bảo lãnh vay vốn nước ngoài ban hành theo Quyết định số 23/QĐ-NH14 ngày 21/02/1994; Chi thị 06/NH7-CT ngày 06/06/1996 quy định về việc mở thư tín dụng nhập hàng trả chậm;

Công văn số 434/CV-NH7 ngày 05/08/1996 hướng dẫn cụ thể một số nội dung của Chi thị 06/NH7-CT ngày 06/06/1996.

Điều 3. Chánh văn phòng Thống đốc, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư và phát triển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

MỞ THƯ TÍN DỤNG NHẬP HÀNG TRẢ CHẬM

(Ban hành kèm theo quyết định số 207/QĐ-NH7

ngày 01 tháng 7 năm 1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thư tín dụng nhập hàng trả chậm (gọi tắt là L/C trả chậm) là một nghiệp vụ ngân hàng phục vụ cho các doanh nghiệp nhập hàng hoá từ nước ngoài bằng việc sử dụng chứng từ có kỳ hạn.

Điều 2. Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ mở L/C trả chậm là các ngân hàng hoạt động tại Việt Nam có đủ điều kiện quy định tại Điều 6 Quy chế này, bao gồm: ngân hàng thương mại quốc doanh, ngân hàng đầu tư và phát triển, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 3. Đối tượng được Ngân hàng mở L/C trả chậm là các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp bao gồm: Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, công ty cổ phần, doanh nghiệp hợp tác xã, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (sau đây gọi là Doanh nghiệp).

Điều 4. Việc mở L/C trả chậm để nhập khẩu hàng hoá phải phù hợp với chính sách xuất nhập khẩu hàng năm của Nhà nước, các quy định hiện hành về vay, trả nợ nước ngoài và các quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Việc mở L/C trả chậm nhập các mặt hàng do Chính phủ chỉ định được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN NGHIỆP VỤ
MỞ L/C TRẢ CHẬM

Điều 6. Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ mở L/C trả chậm phải có đủ các điều kiện sau, trừ trường hợp đặc biệt pháp luật có quy định khác:

- 6.1 Được phép thực hiện nghiệp vụ thanh toán quốc tế;
- 6.2 Có quy định cụ thể bằng văn bản các thủ tục và hồ sơ cần thiết về nghiệp vụ mở và thanh toán L/C theo thông lệ thanh toán quốc tế về tín dụng quốc tế và phù hợp với Quy chế này;
- 6.3 Tuân thủ các quy định về ký quỹ, cầm cố, thế chấp tài sản và bảo lãnh theo quy định tại Chương III Quy chế này;
- 6.4 Trích lập quỹ bảo lãnh theo quy định hiện hành về quỹ bảo lãnh và tái bảo lãnh;
- 6.5 Số dư L/C trả chậm ngắn hạn (từ 1 năm trở xuống) phải nằm trong hạn mức vay và bảo lãnh ngắn hạn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng
- 6.6 Ngân hàng không có nợ quá hạn nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ mở L/C trả chậm;

Điều 7. Doanh nghiệp muốn mở L/C trả chậm phải có đủ điều kiện sau:

- 7.1 Đối với L/C trả chậm ngắn hạn:
- 7.1.1 Được phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp;
- 7.1.2 Có tình hình tài chính lành mạnh (kinh doanh có lãi, không có nợ quá hạn với ngân hàng) và phương án sản xuất kinh doanh khả thi; 7.1.3 Có cầm cố, thế chấp, hoặc được ngân hàng, doanh nghiệp khác bảo lãnh theo quy định tại chương III Quy chế này;
- 7.1.4 Kỳ hạn thanh toán của L/C trả chậm nhập nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng tối đa là 1 năm.
- 7.2 Đối với L/C trả chậm trung, dài hạn (thời hạn trên 1 năm):

Doanh nghiệp phải thực hiện việc đăng ký vay vốn nước ngoài theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG III
KÝ QUỸ, CẦM CỐ, THẾ CHẤP, BẢO LÃNH,
THANH TOÁN

Điều 8. Tổng giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng, tùy theo tình hình thực tế về sản xuất kinh doanh, khả năng tài chính và uy tín của từng doanh nghiệp nhập khẩu, quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp đảm bảo (ký quỹ, cầm cố, thế chấp tài sản, bảo lãnh) để đảm bảo thu hồi nợ. Chỉ áp dụng hàng nhập khẩu đối với những trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Riêng đối với các mặt hàng nằm trong danh mục Nhà nước hạn chế nhập khẩu (danh mục mặt hàng này hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chính sách nhập khẩu hàng hoá của Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định mức ký quỹ tối thiểu đối với từng thời kỳ. Mức ký quỹ này do Tổng giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng quyết định.

Điều 9. Doanh nghiệp mở L/C trả chậm không được ký quỹ bằng vốn vay Ngân hàng hoặc các khoản vốn đang được Ngân hàng bảo lãnh.

Điều 10. Việc cầm cố, thế chấp tài sản và bảo lãnh quy định tại Quy chế này phải thực hiện theo các quy định hiện hành về cầm cố, thế chấp tài sản

Điều 11. Ngân hàng chịu trách nhiệm thanh toán với nước ngoài về giá trị các L/C trả chậm do mình mở đã chấp nhận nợ. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thanh toán hàng theo đúng cam kết giữa Doanh nghiệp và Ngân hàng để trả nợ nước ngoài đúng hạn. Nếu Doanh nghiệp không thanh toán được (toàn bộ hoặc một phần) khi đến hạn, Doanh nghiệp phải nhận nợ quá hạn với Ngân hàng và phải chịu lãi phạt theo quy định hiện hành về cho vay bằng ngoại tệ của Ngân hàng thanh toán cho nước ngoài. Ngân hàng có thể thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật hoặc thoả thuận giữ

CHƯƠNG IV
THỦ TỤC, THẨM QUYỀN KÝ VÀ MỨC PHÍ
MỞ L/C TRẢ CHẬM

Điều 12. Trong thời hạn 10 ngày đối với các L/C trả chậm ngắn hạn và thời hạn 30 ngày đối với các L/C trả chậm trung và dài hạn, kể từ ngày nhận được L/C trả chậm, Ngân hàng phải thông báo cho Doanh nghiệp biết ý kiến chấp nhận hay từ chối mở L/C trả chậm.

Điều 13. Tổng giám đốc (giám đốc) Ngân hàng là người ký mở L/C trả chậm. Tổng giám đốc (Giám đốc) Ngân hàng có thể uỷ quyền bằng văn bản (Tổng giám đốc) hoặc cho Giám đốc hay Phó giám đốc chi nhánh trực thuộc hệ thống ngân hàng mình ký và thực hiện. Văn bản uỷ quyền phải xác

Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người khác.

Điều 14. Ngân hàng, tùy theo tình hình thực tế và khả năng tài chính của từng doanh nghiệp, quy định mức phí tính trên số tiền Doanh nghiệp có mở L/C trả chậm, nhưng tối đa không vượt quá 1%/năm. Phí mở L/C, sửa đổi L/C thanh toán L/C trả chậm do Ngân hàng quy định.

CHƯƠNG V

CÔNG TÁC KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ

Điều 15. Ngân hàng chịu sự kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước, Doanh nghiệp chịu sự giám sát, kiểm tra của Ngân hàng. Định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu Ngân hàng tiến hành công tác kiểm tra, thanh tra. Ngân hàng, Doanh nghiệp được kiểm tra, thanh tra có nhiệm vụ cung cấp đầy đủ tài liệu và thông tin liên quan đến việc mở và thanh toán L/C trả chậm cho việc kiểm tra, thanh tra nói trên. Việc kiểm tra, thanh tra được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử phạt hành chính, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm trọng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 17. Trừ trường hợp đột xuất, hàng tháng chậm nhất vào ngày 10 tháng tiếp theo, Ngân hàng phải gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn các báo cáo sau đây:

Báo cáo tổng hợp tình hình mở, chấp nhận nợ và thanh toán L/C trả chậm theo mẫu số 1 đính kèm.

Báo cáo tổng hợp tình hình nợ quá hạn phát sinh từ nghiệp vụ L/C trả chậm theo Mẫu số 2 đính kèm.

Báo cáo chi tiết nợ quá hạn L/C trả chậm theo mẫu số 3 đính kèm.

Điều 18. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố tổng hợp và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ quản lý Ngoại hối) theo quy định dưới đây: Báo cáo nhanh các trường hợp vi phạm Quy chế mở L/C nhập hàng trả chậm và kiến nghị biện pháp xử lý.

Hàng quý chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu quý tiếp theo, báo cáo tổng hợp tình hình mở và thanh toán L/C trả chậm của các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

BIỂU SỐ 1

TÊN NGÂN HÀNG BÁO CÁO:

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH MỞ, CHẤP NHẬN NỢ VÀ THANH TOÁN
L/C TRẢ CHẬM CỦA NGÂN HÀNG

(Báo cáo tháng... năm 199...)

Vốn tự có cuối kỳ (quy USD):Đơn vị: 1000 USD

	Đầu kỳ					Phát sinh trong kỳ							Cuối kỳ					
Thời hạn L/C trả chậm	Số dư	Số dư L/C trả chậm đã nhận nợ		Doanh nghiệp	Ngân hàng	Tổng giá trị	Số chấp nhận ký nợ					Số đã trả nợ	Số dư L/C trả	Số dư L/C trả chậm đã nhận nợ	Doanh nghiệp	Ngân hàng		
	L/C trả	Tổng số	Trong đó	chưa thanh	thanh toán	các L/C trả	Tổng số	Trong đó					cho nước	chậm	Tổng số	Trong đó	chưa thanh	thanh toán
	chậm		quá hạn	toán cho	cho nước	chậm đã		Hàng tiêu	Ng. nhiên	Thiết bị	Các hàng	ngoài			quá hạn	toán cho	cho nước	